

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 01-3-2019

“V/v tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Vũ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Lâu**

2. Ông **Trần Trung Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Âu Thị Thảo** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về “tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Như Y** sinh năm: 1996

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang

2. *Bị đơn:* Anh **Đào Trọng L** sinh năm: 1995

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện D, tỉnh Tiền Giang

(Chị Y có mặt, anh L xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như Y trình bày: Chị và anh Đào Trọng L tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nên chị và anh L đã sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2018 đến nay không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tờ tự khai đề ngày 15 tháng 02 năm 2019 bị đơn là anh Đào Trọng L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Như Y xác lập quan hệ vợ chồng với nhau vào năm 2015, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh sống hạnh phúc đến

năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình nên anh và chị Y không còn chung sống với nhau từ đó đến nay. Nay chị Y xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Y và anh Đào Trọng L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015. Trong quá trình chung sống chị Y và anh L đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như anh chị trình bày nên chị Y yêu cầu ly hôn, anh L cũng đồng ý. Xét thấy chị Y và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh Tiền Giang. Tuy chị Y và anh L có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng anh chị không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh L không được pháp luật thừa nhận nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh L là phù hợp điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Như Y và anh Đào Trọng L.

2. Về nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu số 09735 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D; chị Y đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với anh L thời hạn kháng cáo trên được tính kể từ ngày được Tòa án tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Vũ

